

Số: 3833/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

**V/v mời báo giá Hóa chất và vật tư để thực hiện xét nghiệm đông máu của
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của Bộ Y tế về việc Quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu Hóa chất và vật tư để thực hiện xét nghiệm đông máu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Nguyễn Hà Hoà – Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại liên hệ: 0387.868.115

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Ds. Nguyễn Hà Hoà – Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- Nhận qua email: hahoanguyen251@gmail.com

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 7 giờ 30 phút ngày 21 tháng 12 năm 2023 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị) (Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).
2. Bảng cung cấp thông tin hàng hóa và chào giá (Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).
3. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Kho Hóa chất – Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh.
4. Thời gian giao hàng dự kiến: Không.
5. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không.
6. Các thông tin khác (nếu có): Giá báo giá là giá của hàng hóa mới 100%, đã bao gồm đầy đủ thuế, phí, lệ phí (nếu có) và chi phí lắp đặt đưa thiết bị vào hoạt động. Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng. Đơn vị nộp kèm tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật do nhà sản xuất phát hành.

Do nhu cầu cấp thiết về hóa chất phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện, kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế nhanh chóng cung cấp thông tin để bên Bệnh viện tiến hành các thủ tục tiếp theo.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 3833/TB-BVT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
1	Dung dịch dùng để rửa kim cho máy đông máu tự động	Sử dụng để rửa kim trên hệ thống máu đông máu tự động - Đóng gói dạng lỏng - Dung dịch có nồng độ Sodium hypochlorite 1% (nồng độ clo hoạt tính) - Độ ổn định sau mở nắp: ≥ 3 tháng khi bảo quản ở 2 tới 35 °C	mL	32.000
2	Dung dịch có tính axit, dùng để rửa cho máy đông máu tự động	Sử dụng để rửa hệ thống máu đông máu tự động - Đóng gói dạng lỏng - Dung dịch có tính acid, nồng độ Acid Hydrochloric 0.16 % - Độ ổn định sau mở nắp: ≥ 2 tháng khi bảo quản ở 5 tới 35 °C	mL	50.000
3	Hoá chất xác định thời gian đông máu (PT)	Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) - Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa yếu tố mô người tái tổ hợp (hoàn nguyên ~ 100-200 ug/L) với phospholipid tổng hợp, calcium, chất trung hòa heparin, chất đệm và chất ổn định BSA - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: ≥ 10 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C ≥ 5 ngày khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 24 giờ khi được bảo quản ở +37 °C	mL	3.500
4	Hóa chất xác định thời gian đông của Thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)	Sử dụng để xác định thời gian thromboplastin hoạt hóa một phần (APTT) - Đóng gói dạng lỏng, thành phần chứa photphatit đậu nành tinh chế trong 1 x 0,0001 M acid ellagic, chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: ≥ 7 ngày khi bảo quản ở +2 tới +15 °C	mL	1.200

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
5	Hóa chất Calcium Chloride bổ sung cho các xét nghiệm đông máu	Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu - Đóng gói dạng lỏng, dung dịch calcium chloride 0.025 mol/L - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: ≥ 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới +25 °C	mL	1.350
6	Hoá chất xác định nồng độ Fibrinogen trong huyết tương	Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương - Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò khoảng 100 IU/ml - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: ≥ 5 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C ≥ 8 giờ khi được bảo quản ở +15 to +25 °C	mL	900
7	Dung dịch đệm trong xét nghiệm định lượng Fibrinogen	Là dung dịch đệm trong xét nghiệm đông máu - Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium barbital 2.84 x 0,01M và sodium chloride 1.25 x 0.1M, pH 7.35 $\pm$ 0.1 - Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở +2 tới 8 °C	mL	1.650
8	Chất chuẩn dải bình thường cho các xét nghiệm đông máu thường quy	- Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở giới hạn bình thường, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, Fibrinogen, ATIII, Thời gian Batroxobin/ Reptilase - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của những người bình thường - Độ ổn định sau hoàn nguyên: ≥ 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C ≥ 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C	mL	210

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
9	Chất chuẩn dải từ giữa đến cao cho các xét nghiệm đông máu thường quy	Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu trong khoảng giới hạn từ giữa đến cao của giới hạn điều trị trong liệu pháp kháng đông đường uống, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của người - Độ ổn định sau hoàn nguyên: ≥ 16 giờ khi bảo quản ở +2 tới +8 °C ≥ 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C	mL	160
10	Chất chuẩn dải bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu thường quy và đặc biệt	Sử dụng để đánh giá độ chính xác và độ lệch phân tích trong giới hạn bệnh lý cho các xét nghiệm APTT, PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen, thời gian Thrombin - Đóng gói dạng bột đông khô, không chứa chất bảo quản, chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES - Độ ổn định sau hoàn nguyên: ≥ 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 4 tuần ở khi bảo quản ở ≤ -20 °C	mL	60
11	Hoá chất hiệu chuẩn cho một số xét nghiệm đông máu	Sử dụng để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm PT, Fibrinogen, các yếu tố đông máu, các chất ức chế, Plasminogen, ngoài ra còn có thể được sử dụng làm phương tiện pha loãng mẫu cho một số xét nghiệm nếu được chỉ định. Thành phần: thuốc thử đông khô chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES (sau hoàn nguyên 12g/L) - Độ ổn định sau hoàn nguyên: ≥ 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 4 tuần ở khi bảo quản ở ≤ -20 °C	mL	10

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, Thông số kỹ thuật cơ bản (Tham khảo)	Đơn vị tính	Số lượng
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer	Sử dụng để định lượng D-Dimer trong huyết tương gồm các hoá chất như sau: D-Dimer Reagent: dạng đông khô, chứa các hạt Polystyrene phủ kháng thể đơn dòng kháng D-Dimer của chuột (sau hoàn nguyên: 0.1g/L), Albumin người (sau hoàn nguyên 0.5 g/L), đệm và chất bảo quản D-Dimer Buffer: dạng lỏng, đệm, chất ổn định, chất bảo quản D-Dimer Supplement: dạng lỏng, dung dịch đệm, thuốc thử chặn tính dị ái (0.63 g/L), chất bảo quản D-Dimer diluent: dạng lỏng, đệm, chất bảo quản D-Dimer Calibrator: dạng đông khô, được sản xuất từ huyết tương người có chứa chế phẩm D-Dimer từ người (sau hoàn nguyên: 5.0 mg/L FEU), đệm, chất ổn định, chất bảo quản - Độ ổn định sau hoàn nguyên đối với các hoá chất trừ D-Dimer Calibrator ≥ 4 tuần khi bảo quản ở +2 tới +8 °C ≥ 4 tuần khi bảo quản ở ≤ -18 °C Độ ổn định sau khi hoàn nguyên đối với D-Dimer Calibrator: ≥ 4 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C	mL	1.864,8
13	Chất chuẩn mức bình thường và mức bệnh lý cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Sử dụng để đánh giá độ chính xác và độ lệch phân tích của xét nghiệm định lượng D-Dimer trong giới hạn bình thường và bệnh lý - Đóng gói dạng bột đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương người chứa D-Dimer kèm chất bảo quản - Độ ổn định sau hoàn nguyên: ≥ 7 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C ≥ 8 giờ khi bảo quản ở +15 tới +25 °C ≥ 4 tuần khi bảo quản ở ≤ -18 °C	mL	30
14	Cóng phản ứng được dùng để chứa mẫu và hóa chất trên máy đông máu tự động	Cóng phản ứng được dùng để chứa mẫu và hóa chất cho dòng máy phân tích đông máu tự động đo quang - Lưu trữ ở nhiệt độ phòng	Cái	78.000

PHỤ LỤC 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 3833/TB-BVT ngày 21/12/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Thông tin của đơn vị báo giá
(Tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

S T T	Tên hàng hoá	Tên Thương mại, ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật cơ bản	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Hãng/ nước chủ sở hữu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trúng thầu trong vòng 120 ngày gần nhất (nếu có)		
																	Giá trúng thầu	Số, ngày QĐ phê duyet trúng thầu	Đơn vị phê duyệt kết quả trúng thầu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1																			

Ghi chú:

Đơn vị phải cung cấp đầy đủ thông tin vào các cột chưa điền thông tin.

Đơn vị cung cấp kèm theo bản scan hợp đồng đã trúng thầu và/hoặc hóa đơn bán hàng trong vòng 120 ngày kèm theo (nếu có).

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Công ty cam kết số lượng hàng hóa trên đủ để thực hiện tối thiểu số lượng xét nghiệm đông máu theo như thông báo mời báo giá.

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu (nếu có))

